PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ BUÔN HỒ

**TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

ĐẮK LẮK - 2019

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ BUÔN HỒ

**TIỂU HỌC TÔ HIỆU**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

 **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Hoàng Anh Thung | Hiệu trưởng | Chủ tịch hội đồng |  |
| 2 | Nguyễn Thị Minh | Phó hiệu trưởng | Phó chủ tịch hội đồng |  |
| 3 | Bạch Thị Hoàn | Giáo viên | Thư ký hội đồng |  |
| 4 | Nguyễn Thị Quý | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Thư ký hội đồng |  |
| 5 |  Hoàng Việt Dũng | Bí thư chi bộ | Uỷ viên |  |
| 6 | Hoàng Thị Lam | Chủ tịch BCH công đoàn | Uỷ viên |  |
| 7 | Hà Minh Dương | Bí Thư Đoàn thanh niên | Uỷ viên |  |
| 8 | Đặng Thị Vân | Giáo viên | Uỷ viên |  |
| 9 | Hồ Thị Hải Yến | Giáo viên | Uỷ viên |  |
| 10 | Hoàng Thị Hiếu | Giáo viên | Uỷ viên |  |
| 11 | Phạm Lê Hậu  | Giáo viên | Uỷ viên |  |
| 12 | Võ Thị Thu Hằng | Kế toán | Uỷ viên |  |
| 13 | Phạm Thị Oanh | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Uỷ viên |  |
| 14 |  Nông Thị Ngọc Hương | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Uỷ viên |  |
| 15 |  Nguyễn Thị Hằng | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Uỷ viên |  |
| 16 | Đặng Thị Tự | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Uỷ viên |  |
| 17 | Nguyễn Thị Nguyệt | Tổ trưởng Tổ văn phòng | Uỷ viên |  |
| 18 | Trần Thị Hồng Sang | Văn Thư | Uỷ viên |  |

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục | **3** |
| Danh mục các chữ viết tắt | **6** |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | **7** |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | **9** |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **9** |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | **16** |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **16** |
| **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3** | **16** |
| **Tiêu chuẩn 1** | **16** |
| **Mở đầu** | **16** |
| **Tiêu chí 1.1** | **17** |
| **Tiêu chí 1.2** | **19** |
| **Tiêu chí 1.3** | **20** |
| **Tiêu chí 1.4** | **22** |
| **Tiêu chí 1.5** | **24** |
| **Tiêu chí 1.6** | **25** |
| **Tiêu chí 1.7** | **27** |
| **Tiêu chí 1.8** | **28** |
| **Tiêu chí 1.9** | **29** |
| **Tiêu chí 1.10** | **31** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | **33** |
| **Tiêu chuẩn 2** | **34** |
| **Mở đầu** | **34** |
| **Tiêu chí 2.1** | **34** |
| **Tiêu chí 2.2** | **36** |
| **Tiêu chí 2.3** | **38** |
| **Tiêu chí 2.4** | **39** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | **41** |
| **Tiêu chuẩn 3** | **42** |
| **Mở đầu** | **42** |
| **Tiêu chí 3.1** | **42** |
| **Tiêu chí 3.2** | **43** |
| **Tiêu chí 3.3** | **45** |
| **Tiêu chí 3.4** | **47** |
| **Tiêu chí 3.5** | **48** |
| **Tiêu chí 3.6** | **50** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** | **51** |
| **Tiêu chuẩn 4** | **52** |
| **Mở đầu** | **52** |
| **Tiêu chí 4.1** | **52** |
| **Tiêu chí 4.2** | **55** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | **57** |
| **Tiêu chuẩn 5** | **58** |
| **Mở đầu** | **58** |
| **Tiêu chí 5.1** | **58** |
| **Tiêu chí 5.2** | **60** |
| **Tiêu chí 5.3** | **62** |
| **Tiêu chí 5.4** | **64** |
| **Tiêu chí 5.5** | **65** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** | **66** |
| **II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**  | **67** |
| **Tiêu chí 1** | **67** |
| **Tiêu chí 2** | **67** |
| **Tiêu chí 3** | **67** |
| **Tiêu chí 4** | **68** |
| **Tiêu chí 5** | **68** |
| ***Kết luận*** | **68** |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | **67** |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** | **69** |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cụm từ viết tắt** | **Cụm từ đầy đủ** |
| 1 | CBQL-GV-NV | Cán bộ quản lý-giáo viên-nhân viên |
| 2 | CMHS | Cha mẹ học sinh |
| 3 | CNTT | Công nghệ thông tin |
| 4 | GV |  Giáo viên  |
| 5 | HS | Học sinh |
| 6 | NGLL | Ngoài giờ lên lớp |
| 7 | TNCS  | Thanh niên cộng sản |
| 8 | TNTP | Thiểu nên tiền phong |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,****tiêu chí** | **Kết quả** |
| **Không đạt** | **Đạt** |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 1.2 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.3 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 1.4 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 1.5 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.6 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 1.7 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.8 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.9 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.10 |  |  | X | ✔ |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 2.2 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 2.3 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 2.4 |  |  |  | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 3.2 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 3.3 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 3.4 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 3.5 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 3.6 |  |  | X |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 4.2 |  |  | X |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.2 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 5.3 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 5.4 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 5.5 |  |  | X |  |

**Kết quả:** Đạt Mức 2

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
|  Tiêu chí 1 |  | X |  |
|  Tiêu chí 2 |  | X |  |
|  Tiêu chí 3 |  | X |  |
|  Tiêu chí 4 |  | X |  |
|  Tiêu chí 5 |  | X |  |

**Kết quả:** Không đạt Mức 4

**2. Kết luận: Trường đạt mức 2**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TIỂU HỌC TÔ HIỆU

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Phòng GD&ĐT Thị Xã Buôn Hồ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | ĐẮK LẮK |  | Họ và tênhiệu trưởng | HOÀNG ANH THUNG |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Thị Xã Buôn Hồ |  | Điện thoại  | 02623503348 |
| Xã / phường/thị trấn | Xã Ea Siên |  | Fax |  |
| Đạt CQG | Đạt mức 1 |  | Website | http://C1tohieu.buonho.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2001 |  | Số điểm trường | 1 |
| Công lập | √ |  | Loại hình khác  |  |
| Tư thục |  |  | Thuộc vùng khó khăn |  |
| Trường chuyên biệt |  |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  |
| Trường liên kết với nước ngoài |  |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học2013-2014** | **Năm học2014-2015** | **Năm học2015-2016** | **Năm học2016-2017** | **Năm học2017-2018** |
| Khối lớp 1 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |
| Khối lớp 2 | 4 | 4 | 4 | 4 | 3 |
| Khối lớp 3 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |
| Khối lớp 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |
| Khối lớp 5 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |
| **Cộng** | 20 | 20 | 20 | 20 | 19 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2013-2014** | **Năm học2014-2015** | **Năm học2015-2016** | **Năm học2016-2017** | **Năm học2017-2018** | **Ghi chú** |
| I | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 21 | 21 | 21 | 21 | 21 |  |
| 1 | Phòng học | 18 | 18 | 18 | 18 | 18 |  |
| a | Phòng kiên cố | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 13 | 13 | 13 | 13 | 13 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| a | Phòng kiên cố | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| II | Khối phòng hành chính-quản trị | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| III | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| IV | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 27 | 27 | 27 | 27 | 27 |  |
|  | Tổng cộng |  |  |  |  |  |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Giáo viên | 27 | 19 | 3 | 0 | 8 | 19 |  |
| Nhân viên | 6 | 5 | 3 | 1 | 3 | 2 | Bảo vệ chưa chuẩn |
| **Cộng** | 34 | 25 | 6 | 1 | 11 | 23 |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2013-2014** | **Năm học2014-2015** | **Năm học2015-2016** | **Năm học2016-2017** | **Năm học2017-2018** |
|  | Tổng số giáo viên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2013-2014** | **Năm học2014-2015** | **Năm học2015-2016** | **Năm học2016-2017** | **Năm học2017-2018** |
| 1 | Tổng số | 436 | 422 | 392 | 365 | 391 |
|  | Khối lớp 1 | 74 | 88 | 77 | 62 | 93 |
|  | Khối lớp 2 | 80 | 73 | 80 | 74 | 66 |
|  | Khối lớp 3 | 89 | 81 | 71 | 83 | 77 |
|  | Khối lớp 4 | 94 | 89 | 81 | 66 | 87 |
|  | Khối lớp 5 | 99 | 91 | 83 | 80 | 68 |
|  | Nữ | 206 | 205 | 189 | 172 | 188 |
|  | Dân tộc | 383 | 369 | 342 | 365 | 333 |
|  | Tổng số tuyển mới | 70 | 87 | 71 | 58 | 90 |
|  | Học 2 buổi/ngày | 282 | 261 | 235 | 229 | 332 |
|  | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Bình quân số học sinh/lớp | 21.8 | 21.1 | 19.6 | 18.25 | 20.57 |
|  | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 100 | 100 | 100 | 98 | 98.0 |
|  | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi - Nữ | 100 | 100 | 100 | 100 | 98.0 |
|  | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi - Dân tộc | 100 | 100 | 100 | 98 | 98 |
|  | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách - Nữ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách - Dân tộc | 74 | 78 | 62 | 67 | 67 |
|  | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

b) Kết quả giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học2013-2014** | **Năm học2014-2015** | **Năm học2015-2016** | **Năm học2016-2017** | **Năm học2017-2018** | **Ghi chú** |
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 100.0 | 100.0 | 100.0 | 100.0 | 100.0 |  |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | 97,48 | 95,73 | 94,38 | 94,26 | 95,14 |  |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 67.7 | 74.72 | 79.5 | 76.0 | 82.35 |  |
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 97.3 | 97.8 | 98 | 97.9 | 98.2 |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

 Trường Tiểu học Tô Hiệu trên địa bàn thôn 1, xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk; xã Ea Siên nằm ở phía Đông Nam của thị xã Buôn Hồ, cách trung tâm thị xã Buôn Hồ 17 km, với diện tích tự nhiên: 3.273ha, với 7278 nhân khẩu gồm 6 dân tộc; tỷ lệ dân tộc chiếm 86,2% dân số toàn xã.

 Năm 2001 tách trường THCS thành lập trường TH mang tên trường Tô Hiệu. Từ lúc thành lập đến nay trường đã tách các điểm lẻ thêm trường mới đó là: trường TH Hoàng Văn Thụ (2005) và trường TH Lê Lợi (2010). Hiện tại, trường có 1 điểm chính và 1 điểm lẻ, điểm chính nằm ở trung tâm xã Ea Siên, điểm lẻ nằm ở thôn 2, cách trường chính 1,3km

 Để đánh giá đúng chất lượng giáo dục của cơ sở, trường Tiểu học Tô Hiệu đã dựa vào những tiêu chuẩn, quy trình, phương pháp và công cụ đánh giá của Cục khảo thí – Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo để so sánh đối chiếu xác định rõ chất lượng của đơn vị với mức chuẩn của Bộ Giáo dục. Từ kết quả thực sẽ đề ra được những định hướng chuẩn mực cho sự phát triển đi lên của nhà trường trong các giai đoạn cụ thể tiếp theo.

 Nhận thức rõ được tầm quan trọng của đợt kiểm định chất lượng giáo dục, các thành viên của các bộ phận trong nhà trường đã chủ động tích cực tham gia kiểm định đánh giá một cách trung thực. Trong quá trình làm việc, nhiều vấn đề phức tạp đã nảy sinh như hệ thống số liệu lưu trữ về nhân sự, về chất lượng, về cơ sở vật chất…chưa thực sự đầy đủ, kế tiếp; nhiều báo cáo, công văn có liên quan tới địa phương, Hội Cha mẹ học sinh và cấp trên còn thiếu trong kho lưu trữ; nhiều công việc đã làm thực sự có hiệu quả nhưng hồ sơ lưu trữ lại ít được quan tâm…; lượng thời gian dành cho công tác tự kiểm tra đánh giá không có nhiều…Tuy vậy sau một thời gian nỗ lực cố gắng, các khó khăn trên đã từng bước được khắc phục.

 Kiểm định chất lượng giáo dục cũng là một dịp đánh giá xếp loại được tất cả các tổ chức đoàn thể, cán bộ công nhân viên cũng như các lĩnh vực hoạt động của nhà trường một cách khách quan khoa học. Tất cả những điều đó có ý nghĩa rất lớn với những quyết sách và con đường đi tiếp theo của đơn vị.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

 Trường Tiểu học Tô Hiệu được thành lập từ năm 2001. Có đủ cơ cấu tổ chức theo quy định Điều lệ Trường tiểu học. Có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ về số lượng theo cơ cấu về loại hình, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, phân công giảng dạy hợp lý nên đã phát huy được năng lực chuyên môn. Nhà trường có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỉ luật, Hội đồng tư vấn, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng, chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Liên Đội TNTP Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh. Các tổ chức, hội đồng hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học và các quy định hiện hành. Nhà trường thực hiện đầy đủ các hoạt động quản lý, xây dựng chiến lược phát triển nhà trường, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Công tác khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được nhà trường thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan đúng theo các quy định hiện hành. Đó là những cơ sở nền tảng cho quá trình phấn đấu trưởng thành đi lên của nhà trường, góp phần tích cực vào hoạt động toàn diện của nhà trường.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

 b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt.

 c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

 Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

 Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Trường xây dựng chiến lược phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn rõ ràng phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục (Điều 27 Văn bản hợp nhất Luật giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31 tháng 12 năm 2015) và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn. Kế hoạch chiến lược phát triển cũng được xây dựng phù hợp với đặc điểm tình hình, nguồn lực của nhà trường;  thời cơ và thách thức để từ đó xác định các vấn đề ưu tiên và đề ra định hướng, mục tiêu và phương châm hành động đúng đắn giai đoạn 2015-2020 [H1-1.1-01].

 b. Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản số 72/KH-TH ngày 04 tháng 10 năm 2016 do Phòng Giáo dục và Đào tạo Thị xã Buôn Hồ phê duyệt [H1-1.1-01].

 c. Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bảng thông tin của trường [H1-1.1-02].

 Mức 2:

 Trường có giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển thể hiện qua báo cáo mức chất lượng tối thiểu, báo cáo Kiểm định chất lượng và tiến độ xây dựng trường Chuẩn quốc gia [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

 Mức 3:

 Hằng năm, nhà trường đã tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng,chiến lược xây dựng và phát triển. Nhưng việc tổ chức xây dựng  phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

 **2. Điểm mạnh**

 Kế hoạch phát triển được xây dựng bằng văn bản xác định rõ mục tiêu phấn đấu, nhiệm vụ trọng tâm và biện pháp thực hiện trong từng giai đoạn của nhà trường. Nội dung các mục tiêu và giải pháp thực hiện trong kế hoạch phát triển phù hợp với tình tình thực tiễn của nhà trường, địa phương và mục tiêu giáo dục tiểu học.  Kế hoạch được trao đổi bàn bạc chặt chẽ trong Hội đồng trường, tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương và được Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Buôn Hồ thẩm định phê duyệt, được Hội đồng trường xây dựng các giải pháp giám sát việc thực hiện, có báo cáo định kì trước Hội đồng sư phạm định kì theo học kì, năm học.

**3. Điểm yếu**

 Điều kiện kinh tế địa phương còn khó khăn nên khả năng huy động nguồn lực xã hội còn hạn chế vì vậy ảnh hưởng đến vchiến lược phát triển của nhà trường. Hàng năm, nhà trường đã tổ chức rà soát nhưng chưa bổ sung, điều chỉnh kịp thời phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong năm 2019-2020 và những năm tiếp theo, nhà trường phổ biến và đăng tải toàn văn kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường lên trang website của đơn vị, nhằm tranh thủ sự đóng góp của mọi tổ chức, cá nhân, đồng thời điều chỉnh, bổ sung chiến lược cho phù hợp với thực tiễn tại đơn vị. Hằng năm, trong quá trình thực hiện chiến lược, Hiệu trưởng luôn rà soát, rút ra những việc đã làm được và những việc chưa làm được để bổ sung và điều chỉnh, nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định.

 b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

 c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

 Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Trường Tiểu học Tô Hiệu là trường công lập, Hội đồng trường được thành lập theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học với Quyết định Số 225/QĐ-PGDĐT, ngày 26/5/2015 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Buôn Hồ. [H1- 1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập tại Quyết định số 31/ QĐ-TH ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Tô Hiệu [H1- 1.2-02]. Hội đồng tư vấn được thành lập tại Quyết định số 32/ QĐ-TH ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng trường tiểu học Tô Hiệu [H1-1.2-03].

 b. Hội đồng trường đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo  Điều 23 Điều lệ trường tiểu học, cụ thể là: thông qua các cuộc họp, hội đồng trường quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch, phương hướng phát triển của nhà trường; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; giám sát việc thực hiện nghị quyết của hội đồng trường, giám sát các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-04]. Hội đồng Thi đua khen hỗ trợ Hiệu trưởng trong việc bình xét thi đua khen thưởng cuối năm học theo Điều 24 Điều lệ trường tiểu học [H1-1.2-05].

 c. Các Hoạt động của Hội đồng nhà trường, các hội đồng khác trong nhà trường thường xuyên, sau mỗi học kỳ và mỗi năm đều tiến hành sơ kết, tổng kết để đánh giá, rà soát các công việc nhằm rút kinh nghiệm trong công tác quản lý  [H1-1.2-04].

 Mức 2:

 Hội đồng trường và các hội đồng tư vấn đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường được thông qua các biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng, báo cáo tổng kết. [H1-1.2-04].

 **2. Điểm mạnh**

 Hội đồng trường, Hội đồng thi đua và khen thưởng, Hội đồng kỷ luật,các hội đồng được thành lập đúng cơ cấu và thành phần được quy định trong Điều lệ trường tiểu học và hướng dẫn của cấp trên. Các Hội đồng hoạt động hiệu quả, đúng chức năng và góp phần tích cực vào việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của nhà trường mỗi năm học.

**3. Điểm yếu**

 Thành viên của Hội đồng trường thường thay đổi do các yếu tố khách quan như thay đổi chức danh, chuyển nơi công tác bổ sung chưa kịp thời,

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Hàng năm, hiệu trưởng làm tờ trình bổ sung đủ các thành viên trong Hội đồng theo quy định; vào đầu năm học Hiệu trưởng quán triệt đến từng thành viên trong Hội đồng trường nắm vững về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để mỗi thành viên tích cực phát huy vai trò trong việc đề xuất các giải pháp góp phần phát triển nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

 b) Hoạt động theo quy định;

 c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

 Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

 b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

 Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

 b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Nhà trường có Chi bộ độc lập sinh hoạt trực thuộc Đảng ủy xã Ea Siên, tổng số đảng viên của chi bộ 14/34 CB, GV, NV, có quyết định chuẩn y của Đảng ủy xã Ea Siên [H1-1.3-01]; Công đoàn trường có 34 công đoàn viên tổ chức hoạt động đúng theo Điều lệ Công đoàn [H1-1.3-02]. Chi đoàn thanh niên gồm 12 đoàn viên [H1-1.3-03]; Liên đội TNTP Hồ Chi Minh với 230 đội viên, 136 sao Nhi đồng. [H1-1.3-04].

 b. Chi bộ hoạt động theo Điều lệ Đảng, lãnh đạo đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị [H1-1.3-05]. Công đoàn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động [H1-1.3-06]. Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định [H1-1.3-07]. Đoàn thanh niên luôn là nồng cốt đi đầu trong các phong trào [H1-1.3-08]

 c. Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội hằng tháng đều có sinh hoạt định kỳ, cuối kỳsơ kết và cuối nhiệm kỳ tổng kết rà soát đánh giá rút kinh nghiệm đồng thời bổ sung kế hoạch hoạt động thời gian tới; tư vấn cho Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo nghị quyết, kế hoạch đề ra. [H1-1.3-03]

 Mức 2:

 a. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định;trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 02 đạt Trong sạch vững mạnh, 2 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, 01 năm hoàn thành nhiệm vụ, [H1-1.3-09].

 b. Hằng năm, dưới sự chỉ đạo của cấp ủy và lãnh đạo nhà trường, tổ chức Đoàn, Đội và các tổ chức khác phối hợp với nhau nhằm giáo dục, rèn luyện học sinh không chỉ học tập thật tốt mà còn phải rèn luyện sức khỏe, giáo dục về ý thức giữ gìn vệ sinh cho các em luôn được tổ chức Đoàn, Đội thường xuyên quan tâm cùng với nhà trường thông qua những buổi sinh hoạt chuyên đề, tuyên truyền về cách phòng, chống các căn bệnh thường gặp ở lứa tuổi học sinh [H1-1.3-10]

 Mức 3:

 a. Trong 05 năm liên tiếp từ năm 2013- đến nay, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của chi bộ trường Tô Hiệu đã đạt 02 năm Trong sạch vững mạnh, 2 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, 01 năm hoàn thành nhiệm vụ. [H1-1.3-09]

 b. Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác có đóng góp hiệu quả, thường xuyên phối hợp tổ chức các cho giáo viên và học sinh trong các hoạt động trong nhà trường và địa phương nên đạt được Công đoàn vững mạnh; Chi đoàn vững manh, Liên đội vững mạnh [H1-1.3-10]

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đầy đủ các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể đoàn thể theoĐiều lệ trường trung học. Các tổ chức làm việc có kế hoạch, tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua sôi nổi và hiệu quả, tạo được môi trường sư phạm thân thiện và an toàn, đã tổ chức hoạt động theo đúng quy định; thể hiện tốt vai trò lãnh đạo, tư vấn cho hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình.

**3. Điểm yếu**

 Chi bộ có 01 năm đạt hoàn thành nhiệm vụ; Liên đội có 1 năm đạt có 2 năm đạt loại khá

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục duy trì đầy đủ các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể và các hội đồng tưvấn để phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, phối hợp, tư vấn của các tổ chức trong nhà trường.Nâng cao hơn chất lượng các kì sinh hoạt, đặc biệt là việc rà soát, đánh giá cáchoạt động sau mỗi học kỳ của các tổ chức: Công đoàn, Đoàn thanh niên, liên Đội đề đạt vững mạnh trở lên.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định.

 b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định.

 c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

 Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

 b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

 Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

 b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Nhà trường có hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đúng quy định tại khoản 1 Điều 20, Điều 21 của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.4-01], [H1-1.4-02].

 b. Vào đầu năm học, Hiệu trường ban hành các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo Quyết định số 22/QĐ-TH ngày 27/8/2018. Ban hành quyết định bổ nhiệm tổ trưởng. Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn theo quy định tại Điều 18 Điều lệ trường tiểu học. Cơ cấu tổ chức của tổ văn phòng theo quy định tại Điều 19 Điều lệ trường tiểu học [H1-1.4-03].

 c. Các tổ chuyên môn có kế hoạch năm, học kì, tháng, tuần [H1-1.4-04]. Các tổ chuyên môn sinh hoạt theo quy định 02 lần/tháng. Mỗi năm tổ chuyên môn đều có đề xuất và thực hiện chuyên đề để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong giáo dục [H1-1.4-05]

 Mức 2:

 a. Hằng năm nhà trường đều có tổ chức các chuyên đề để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.4-06].

 b. Sau mỗi học kì các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có đánh giá hoạt động của tổ và đưa ra kế hoạch điều chỉnh trong thời gian tới [H1-1.4-04].

 Mức 3:

 a. Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Các tổ chuyên môn có kế hoạch hoạt động chung của tổ. Hàng tuần tổ có kế hoạch kiểm tra chuyên môn, ký duyệt hồ sơ giáo án của các thành viên trong tổ. Tổ chuyên môn thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy; hàng tháng tổ họp đánh giá hoạt động của tổ, triển khai công tác tháng tới và bình xét thi đua định kỳ -cuối năm học. Các thành viên trong các tổ đều được tham gia đánh giá xếp loại giáo viên hàng năm theo Quy định 14 về xếp loại giáo viên Tiểu học. [H1-1.4-04] Tổ văn phòng thường xuyên giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lí tài chính, tài sản nhà trường, hạch toán kế toán, thống kê theo quy định, hàng tháng có họp đánh giá và đưa ra kế hoạch, biện pháp thực hiện cho tháng tới. [H1-1.4-05].

 b. Tổ chuyên môn thực hiện có hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Chuyên đề chuyên sâu [H1-1.4-05].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đủ cán bộ quản lý và các tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có kế hoạch chỉ đạo tổ khối thực hiện theo kế hoạch toàn diện của nhà trường. Các tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc các buổi sinh hoạt, tổ chức các chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Các tổ chuyên môn chưa có các biện pháp, giải pháp mang tính đột phá để nâng cao chất lượng các hoạt động. Một số chuyên đề chất lượng hiệu quả chưa thật cao, triển khai còn hơi chung chung.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Duy trì tốt các hoạt động chuyên môn của tổ. Các tổ xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng thành viên: bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ; không ngừng tìm các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và các hoạt động của tổ. Tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên đề, chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng nội dung sinh hoạt tổ, đi sâu các chuyên đề một cách cụ thể nhằm nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học**

Mức 1:

a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học.

 b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định.

 c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

 Mức 2:

a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp.

 b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

 c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Trường có đủ các khối lớp từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 [H1-1.5-01]

 b. Lớp học được tổ chức theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Mỗi lớp học được chia thành 3 đến 4 tổ; có lớp trưởng, lớp phó; mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó được luân chuyển định kỳ trong năm học [H1-1.5-02].

 c. Lớp học được hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ mỗi lớp có 1 lớp trưởng và 1 lớp phó; lớp được chia thành các tổ, mỗi tổ đều có tổ trưởng tổ phó Học sinh tạo điều kiện sinh hoạt động theo nguyên tắc tự quản, tự chủ thông qua các tiết học và các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các em học sinh được tổ chức học nhóm, được tham gia nhận xét, đánh giá bạn [H1-1.5-01]

 Mức 2:

 a. Nhà trường có 19 lớp không vượt so với quy định [H1-1.5-01]

 b. Sĩ số học sinh trong lớp đảm bảo theo quy định điều lệ trường tiểu học không quá 35 học sinh/lớp: trung bình 21 học sinh/lớp.[H1-1.5-01]

 c. Nhà trường bố trí tổ chức lớp học, linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục theo hướng đổi mới hiện nay, hình thức dạy học luôn linh hoạt  và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục như hoạt động câu lạc bộ, tổ chức trò chơi,...[H1-1.5-03]

 **2. Điểm mạnh**

 Trường có các lớp học được tổ chức theo quy định. Lớp trưởng, lớp phó và các tổ trưởng, tổ phó hoạt động tích cực là cánh tay nối dài của GV chủ nhiệm, giúp GV chủ nhiệm ổn định và duy trì nề nếp lớp tốt, tích cực tham gia các phong trào của trường, của ngành góp phần nâng cao kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong nhà trường. Tổ chưc lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục. [H1-1.05-02]

**3. Điểm yếu**

 Học sinh tiểu học còn bé nên ý thức tự quản của các em còn chưa cao, nề nếp chưa được ổn định, rất khó khăn cho giáo viên chủ nhiệm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường phối hợp Giáo viên chủ nhiệm, phụ trách lớp hướng dẫn và dìu dắt các em từng bước về ý thức kỷ luật để các em có thói quen giữ gìn nề nếp tốt hơn. Tiếp tục phát huy tổ chức lớp học linh hoạt phù hợp với các hoạt động giáo dục.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định.

 b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

 c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

 Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

 Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Trường tiểu học, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Tất cả các loại hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định của Luật Lưu trữ và theo Thông tư số: 27/2016/TT-BDGĐT Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục. Các loại hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục: Sổ đăng bộ [H1-1.6-01]; Hồ sơ phổ cập giáo dục Tiểu học [H1-1.6-02] ; sổ theo dõi kết quả kiểm tra đánh giá học sinh [H1-1.5-01]; học bạ của học sinh [H1-1.6-03; sổ nghị quyết nhà trường [H1-1.2-05]; Sổ kế hoạch của Hiệu trưởng [H1-1.6-04]; sổ quản lý cán bộ giáo viên, nhân viên [H1-1.6-05]; sổ khen thưởng, kỷ luật [H1-1.6-06]; sổ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-07]; sổ quản lý các văn bản, công văn đến-đi [H1-1.6-08]. Các loại hồ sơ đủ theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học . Hồ sơ lưu trữ theo từng mảng hoạt động giáo dục và  người phụ trách hoạt động nào kiêm luôn việc lưu trữ hồ sơ phục vụ cho hoạt động đó.

 b. Hàng năm, kế toán nhà trường đều tham mưu lãnh đạo lập dự toán, thực hiện thu chi, thống kê, báo cáo tài chính cơ sở vật chất đúng thời gian quy định, luôn công khai trước tập thể nhà trường [H1-1.6-09]. Hiệu trưởng thực hiện tốt việc tự kiểm tra quản lý sử dụng tài chính, tài sản mỗi năm ít nhất 2 cuộc [H1-1.6-10]. Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được công khai bàn bạc, trao đổi và điều chỉnh hằng năm cho phù hợp với đơn vị [H1-1.6-11].

 c. Nhà trường quản lí, sử dụng hiệu quả tài chính, cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động giáo dục. Mọi thành viên trong trường đều có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ tài sản chung của nhà trường [H1-1.6-12].

 Mức 2:

 a. Nhà trường đã đẩy mạnh việc ứng dựng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý hành chính, tài chính, tài sản có hiệu quả. Đó là việc sử dụng các phần mềm như:, phần mềm quản lý tài sản Misa, phần mềm sổ điểm điện tử, phần mềm đánh giá chuẩn GV, Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; Website nhà trường; Với tính năng hiện đại những giải pháp CNTT phù hợp đã được phòng tài chính triển khai về từng đơn vị trường học ứng dụng tiết kiệm thời gian, chi phí đồng thời quản lý hiệu quả, chính xác các thông tin về tài chính phục vụ chế độ tổng hợp báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác [H1-1.6-13].

 b. Trong 5 năm học qua nhà trường được tài chính Thị xã kiểm tra quyết toán và đối chiếu đúng quy định, không có vi phạm liên quan về tài chính và tài sản trong nhà trường. Công tác thu, chi tài chính trong nhà trường được thực hiện theo đúng văn bản của Ủy ban nhân dân Thị xã và Phòng Giáo dục và Đào tạo cho phép thu. Việc thu chi tài chính có hồ sơ minh bạch rõ ràng. [H1-1.6-14].

 Mức 3:

 Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

 **2. Điểm mạnh**

 Có hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định; Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước; Xây dựng Quy chế chi nội bộ để chủ động trong quản lý và sử dụng các nguồn tài chính đúng mục đích, công khai, công bằng, minh bạch, hiệu quả, tăng cường quyền giám sát của từng cá nhân, tổ chức trong đơn vị đối với công tác quản lý tài chính và đảm bảo tiết kiệm trong chi tiêu.

**3. Điểm yếu**

 Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong năm học 2019 - 2020, Hiệu trưởng tiếp tục phát huy hiệu quả vai trò quản lý tài chính và tài sản trong nhà trường đồng thời lập kế hoạch trung và dài hạn để tạo nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường. Bộ phận tài vụ tiếp tục tham mưu và thực hiện nghiêm túc các quy định về tài chính, thực hiện thu chi đúng mục đích; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, chi tiết; công khai tài chính theo định kỳ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

 b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

 c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

 Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Nhà trừng có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01]

 b.Có các quyên định phân công chuyên môn; phân công công tác kiêm nhiệm (tổ khối trưởng, tổ văn phòng [H1-1.4-03]; kiêm nhiệm thể dục toàn trường; kiêm nhiệm cơ sở vật chất; kiêm nhiệm công tác văn nghệ; công tác phổ cập).; [H1-1.7-02]

 c. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học và các văn bản hiện hành khác. [H1-1.7-03]

 Mức 2:

 Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, cơ sở vật chất để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phát huy việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với sở trường và năng lực của từng cá [H1-1.7-04].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm. Phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý và đảm bảo các hoạt động của nhà trường.

 Các cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định. Nhà trường có kế hoạch phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với sở trường và năng lực tạo điều kiện cho đội ngũ phát huy năng lực của mình

**3. Điểm yếu**

 Một số giáo viên có năng lực chuyên môn chưa ổn định, thiếu kinh nghiệm trong công tác quản lý và giáo dục học sinh, thiếu giáo viên tư vấn học đường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Tiếp tục phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên một cách hợp lý. Đồng thời, lập ra những kế hoạch giáo dục, kế hoạch hoạt động cụ thể. Phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc. Tích cực tham gia tự học tự bồi dưỡng nhất là về ngoại ngữ, tin học để đáp ứng được các hoạt động trong giai đoạn mới. Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm tra đánh giá hằng năm. Các tổ chuyên môn và mỗi giáo viên đều có kế hoạch tự bồi dưỡng thường xuyên. Hỗ trợ nghề nghiệp là giải pháp giúp giáo viên học tập lẫn nhau, chia sẻ kinh nghiệm để cùng tiến bộ và phát triển nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

 b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ.

 c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

 Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a) Kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường theo Điều lệ trường tiểu học phù hợp với quy định hiện hành như: Tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra đánhgiá đảm bảo thời gian quy định theo phân phối chương trình; các hoạt động ngoại khóa, dạy kỹ năng sống phù hợp với học sinh, đảm bảo thời gian và kiến thức dạy họctrong nhà trường và ngoài nhà trường. Phù hợp với thực tế địa phương và điều kiệncủa nhà trường. [H1-1.8-01]

 b. Nhà trường thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục theo Điều lệ trường tiểuhọc. [H1-1.6-04]

 c. Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt dộng giáodục kịp thời theo tiến độ qua các buổi họp định kỳ [H1-1.2-05]; [H1-1.6-04].

 Mức 2:

 Nhà trường xây dựng các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Hằng năm, Nhà trường xây đưng kế hoạch thực hiện kiểm tra nội bộ theo các nội dung đã đề ra trong kế hoạch [H1-1.6-10] .Trường thực hiện tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày nên không có hoạt động dạy thêm [H1-1.8-01].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quảnlý học sinh theo Điều lệ trường tiểu học thông qua các loại kế hoạch triển khaithực hiện, các loại hồ sơ sổ sách và các kết quả đạt được trong từng năm học.

**3. Điểm yếu**

 Việc sắp xếp hồ sơ, cập nhật thông tin vào Website đôi lúc chưa kịp thời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Hiệu trưởng chỉ đạo cho nhân viên văn phòng rà soát, bổ sung đầy đủ thông tinvào Website; sắp xếp lại hồ sơ tổ chức nhân sự của nhà trường; thườngxuyên cập nhật đầy đủ thông tin vào các loại hồ sơ theo quy định.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

 b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật.

 c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

 Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch dự thảo năm học và quy chế  năm học, Toàn thể CBQL – GV - NV nhà trường được tham gia thảo luận đóng góp ý kiến vào kế hoạch xây dựng nội quy, quy chế của nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng Bộ GDĐT) [H1-1.7-04].

 b. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Trong những năm qua nhà trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm pháp luật. Có 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên tiếp thu, quán triệt các nghị quyết của Đảng, học các lớp chính trị hè. Nhà trường chấp hành tốt sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương, thực hiện nghiêm chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng GDĐT. Thực hiện tốt Chỉ thị nhiệm vụ năm học của Bộ GDĐT, của UBND tỉnh Đăk Lăk và Quyết định khung thời gian của Sở GDĐT. Cuối mỗi năm học, nhà trường đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, việc cán bộ, giáo viên, nhân viên chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đều có báo cáo về các cơ quan quản lý các cấp theo quy định. 05 năm qua, nhà trường không có đơn thư tố cáo, khiếu nại cần giải quyết [H1-1.9-01].

 c. Hàng năm Nhà trường và Công đoàn luôn kết hợp chặt chẽ thông qua các kế hoạch làm việc; Thực hiện tốt quy chế tập trung dân chủ. Nhà trường luôn thực hiện bàn bạc lấy ý kiến quy chế dân chủ. Ban thanh tra nhân dân có đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường trong Hội nghị công chức viên chức đầu năm và tổng kết cuối năm học. Quy chế dân chủ được công bố và niêm yết tại văn phòng trường.[H1-1.9-02].

 Mức 2:

 Hàng năm, Ban Thanh tra Nhân dân, Ủy Ban kiểm tra thường xuyên kiểm tra, đánh giá, báo cáo về tình hình thực hiện dân chủ tại cơ quan thông qua Hội nghị cán bộ viên chức. Tất cả mọi việc liên quan đến dân chủ nhà trường đều được công khai, minh bạch [H1-1.9-03]

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường luôn có kế hoạch cụ thể từng tuần, từng tháng để cán cộ giáo viên nhân viên thực hiện đúng theo kế hoạch, toàn thể cán bộ quản lý giáo viên nhân viên  thực hiện  tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viện được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. hằng năm nhà trường có báo cáo định kỳ về việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

**3. Điểm yếu**

 Trong quá trình thực hiện quy chế dân chủ vẫn còn có một số cán bộ, giáo viên, nhân viên trong các buổi họp còn ngại tham gia đóng góp ý kiến, tinh thần phê và tự phê chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục đẩy mạnh việc chỉ đạo, thực hiện quy chế dân chủ trong trường học. Quán triệt hơn nữa đến tận mỗi một cán bộ giáo viên, nhân viên về quy chế thực hiện dân chủ. Nêu cao tinh thần phê và tự phê, tinh thần trách nhiệm trong công việc của mỗi cá nhân.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

 b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

 c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

 Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

 b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Hàng năm, Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01] ; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-04]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.3-10]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-04];

 b. Nhà trường có 01 hộp thư góp ý đặt ở vị trí thuận tiện để cha mẹ học sinh dễ dàng phản ánh thông tin. Ngoài ra nhà trường còn cung cấp đầy đủ số điện thoại của Lãnh đạo nhà trường cho tất cả cha mẹ học sinh và giáo viên trong đơn vị, sẵn sáng tiếp nhận và xử lý thông tin khi được cung cấp [H1-1.10-06].

 c. Nhà trường thường xuyên phổ biến kiến thức về bình đẳng giới trong chương trình dạy kĩ năng sống và trong những tiết học có liên quan. Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.[H1-1.10-07]

 Mức 2:

 a. Nhà trường có tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01] ; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-04]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.3-10]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-05]; Thông qua các hoạt động ngoại khóa, các tiết chào cờ, sinh hoạt lớp,... nhà trường và giáo viên đã phổ biến, hướng dẫn cho học sinh nhằm nâng cao ý thức cho học sinh thực hiện tốt an ninh trật tự, an toàn trong trường học. Trong các năm học vừa qua, không xảy ra sự việc đáng tiếc nào ảnh hưởng đến an toàn của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.10-08].

 b. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Nâng cao sự phối kết hợp giữa nhà trường với phụ huynh học sinh và các tổ chức ngoài nhà trường đặc biệt là cơ quan công an để khi phát hiện có các hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả, [H1-1.10-01]

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường luôn có kế hoạch, phương án cụ thể thực hiện đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ phòng chống baọ lực học đường, phòng chống bệnh dịch cho học sinh và cán bộ, giáo viên, không có hiện tượng kì thị, đảm bảo an toàn phòng tránh các tai tệ nạn xã hội xâm nhập học đường, xây dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh và thân thiện tạo sự an tâm trong mỗi một cán bộ giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh.

**3. Điểm yếu**

 Đa số học sinh là con em người đồng bào dân tộc thiểu số, mức độ nhận thức về phòng và chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục phát huy công tác bảo vệ trật tự an ninh. Tham mưu với các cấp để tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên về công tác phòng chống cháy nổ. Nhà trường thường xuyên phối hợp với cơ quan công an và y tế, xây dựng các phương án phù hợp với đặc điểm nhà trường để đảm bảo phòng chống cháy nổ trong những năm học tiếp theo.

 Tổ chức nhiều hoạt động phong phú hơn nữa như các hoạt động trang bị các kiến thức và kỹ năng sống cho các em trong các nội dung như: vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường không ngừng năng cao ý thức và hiểu biết trong học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1:**

 Trường tiểu học Tô Hiệu có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Các tổ chức đoàn thể, các bộ phận: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đội TNTPHCM, các tổ chuyên môn thường xuyên phối hợp trong công việc, hoạt động đồng bộ theo sự lãnh đạo của Chi bộ. Trong quá trình hoạt động, các đoàn thể trong nhà trường đã có sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau một cách tích cực. Các bộ phận xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện theo đúng chức năng quyền hạn của tổ chức mình. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động theo đúng kế hoạch, tổ chức sinh hoạt đều đặn theo định kỳ, thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục của các thành viên trong tổ, thực hiện tốt nhiệm vụ. Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động năm học và kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, quản lí giáo dục đối với giáo viên và nhân viên. Nhà trường thực hiện đầy đủ chế độ thông tin và báo cáo theo yêu cầu với các cơ quan có chức năng và thẩm quyền. Hoạt động của các tổ chức trong trường dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai nên không xảy ra mất đoàn kết nội bộ và được đánh giá tốt trong nhiều năm liền. Trường có các phương án và thực hiện tốt để đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, chủ động sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả cao trong mọi lĩnh vực.

 Chiến lược của nhà trường chưa được công bố công rộng rãi trên các hình thức như trên Website, nên chưa được sự tham gia góp ý rộng rãi. Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0%

+ Đạt Mức 1: 10/10 tiêu chí chiếm 100%

+ Đạt Mức 2: 10/10 tiêu chí chiếm 100%

+ Đạt Mức 3: 8/10 tiêu chí chiếm 80%

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

 Trường Tiểu học Tô Hiệu thực hiện cơ cấu tổ chức trong nhà trường  cán bộ, giáo viên và học sinh theo điều 17, 18, 19  – chương II;  điều 30  – chương IV Điều lệ trường Tiểu học. Nhà trường có đầy đủ số lượng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng bảo đảm được các tiêu chuẩn theo quy định của Luật giáo dục đối với các cấp học, Cán bộ quản lý của nhà trường có năng lực quản lý và kinh nghiệm để triển khai tốt các hoạt động giáo dục.

 Cán bộ quản lý nhà trường có trình độ Đại học sư phạm, đã được học qua lớp quản lý giáo dục và có nhiều năm làm công tác quản lý, có đủ sức khỏe, nhiệt tình, năng động, sáng tạo và được tập thể nhà trường tín nhiệm.

 Đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực chuyên môn, trình độ sư phạm đạt chuẩn và trên chuẩn. Tập thể hội đồng sư phạm đoàn kết, thống nhất, nhiệt tình, tích cực sáng tạo trong các hoạt động giáo dục.

 Học sinh hiếu học, chăm ngoan, lễ phép, năng động. Tỷ lệ học sinh đúng độ tuổi ở các lớp cao. Đó là điều kiện thuận lợi để nhà trường làm tốt công tác chất lượng, phổ cập giáo dục. Tuy nhiên, sĩ số học sinh là người dân tộc thiểu số cao nên ảnh hướng không nhỏ đến đến hoactj động dạy và học của nhà trường.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

 a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định.

 b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên.

 c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

 Mức 2:

 a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.

 b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

 Mức 3:

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đủ số lượng theo hạng trường, có trình độ Đại học, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường tiểu học: có quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý của Phòng Giáo dục và Đào thại thị xã Buôn Hồ; Hiệu trưởng có 17 năm công tác (4 năm giảng dạy, 05 năm làm phó hiệu trưởng và 08 năm làm hiệu trưởng); [H2-2.1-01] Phó hiệu trưởng có 21 năm công tác (13 năm giảng dạy, 8 năm làm công tác quản lý). [H2-2.1-02]

 b. Hằng năm, Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá, xếp loại khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học. [H2-2.1-03].

 c. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có trình độ Đại học, được bồi dưỡng đào tạo các lớp theo yêu cấu công tác quản lý trường học. Hiệu trưởng có Bằng trung cấp lí luận chính trị-hành chính; Bồi dưỡng quản lý Giáo dục [H2-2.1-04]. Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng đào tạo các lớp quản lý Giáo dục, đang theo học lớp trung cấp lí luận chính trị-hành chính. [H2-2.1-05].

 Mức 2:

 a. Hiệu trưởng có 04 năm đánh giá chuẩn đạt loại Xuất sắc và 1 năm đạt loại Khá [H2-2.1-03]; Phó hiệu trưởng có 5 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H2-2.1-03]

 b.Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định. Được giáo viên, nhân viên trong nhà trường tín nhiệm.[H2-2.1-03]; [H2-2.1-04]

 Mức 3:

 Hiệu trưởng có 04 năm đánh giá chuẩn đạt loại Xuất sắc và 1 năm đạt loại Khá [H2-2.1-03]; Phó hiệu trưởng có 5 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H2-2.1-03]

 **2. Điểm mạnh**

 Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đủ số lượng theo hạng trường, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường tiểu học, được bồi dưỡng, tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục theo quy định.

**3. Điểm yếu**

 Kỹ năng ứng dụng CNTT vào công tác quản lý của phó hiệu trưởng còn hạn chế. Trình độ ngoại ngữ của hiệu trưởng và phó hiệu trưởng còn chưa đáp ứng kịp thời trong quá trình công tác.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục thực hiện tốt công tác tự bồi dưỡng và tham gia các đợt bồi dưỡng do ngành tổ chức; tiếp tục học lấy chứng chỉ Anh văn và tin học trong năm 2019.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

 a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

 b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

 c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

 Mức 2:

 a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn.

 c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

 Mức 3:

 a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác, có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Trường có đủ giáo viên đáp ứng tỷ lệ  giáo viên/lớp theo quy định [H1-1.6-05].

 b. 100% giáo viên đảm bảo được đào tạo chuẩn trình độ về chuyên môn, có bằng tốt nghiệp từ trung cấp sư phạm đúng chuyên ngành trở lên theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học [H2-2.2-01]

 c. 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức đạt trở lên. Đội ngũ có phẩm chất đạo đức tốt, chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có năng lực chuyên môn vững vàng; có trách nhiệm trong công tác, hết lòng vì học sinh [H2-2.1-03].

 Mức 2:

 a. Đến thời điểm hiện tại tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt 80,7%, số còn lại là giáo viên lớn tuổi chuẩn bị nghỉ hưu. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp. [H1-1.6-05]; [H2-2.1-03]

 b. Đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá đạt 100%; trong đó có 82.1 % đạt mức khá [H2-2.1-03]

 c.Trong nhiều năm qua tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật hay cảnh cáo nào. [H1-1.6-06].

 Mức 3:

 a. Đến thời điểm hiện tại tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt 80,7% [H1-1.6-05]; [H2-2.1-03].

 b. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có trên 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có trên 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.[H2-2.1-03]

 **2. Điểm mạnh**

 Đội ngũ giáo viên đủ để giảng dạy, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ chuẩn cao. Đa số giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm, tâm huyết với nghề, luôn phát huy tốt năng lực chuyên môn trong giảng dạy; Hàng năm học đều có giáo viên tham gia các lớp học để nâng cao trình độ (trên chuẩn); Không có giáo viên xếp loại yếu theo Quy định về tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

**3. Điểm yếu**

 Một số giáo viên lớn tuổi nên việc ứng dụng CNTT vào dạy học còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện, khuyến khích giáo viên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là việc nâng cao về trình độ CNTT.Tăng cường trao đổi, rút kinh nghiệm đánh giá đúng thực chất các tiết dự giờ, thao giảng, Hội giảng. Tích cực tham gia Hội thi giáo viên giỏi các cấp để không ngừng nâng cao hiệu quả giáo dục tại nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

 a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công.

 b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực.

 c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

 Mức 2:

 a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định.

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

 Mức 3:

 a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

 b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Số lượng và cơ cấu nhân viên của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập: 01 kế toán, 01 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ, 01 nhân viên phụ trách thư viện, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên phụ trách thiết bị và 01 nhân viên bảo vệ.  [H1-1.6-05].

 b. Có Quyết định điều động các nhân viên và giao nhiệm vụ cụ thể khi về nhận nhiệm vụ tại đơn vị [H2-2.2-01].

 c. Đội ngũ nhân viên nhà trường luôn tích cực trong công tác, chịu khó học hỏi, tích luỹ kinh nghiệm, chủ động trong công việc và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hằng năm, tất cả nhân viên đều được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-01].

 Mức 2:

 a. Số lượng và cơ cấu nhân viên của nhà trường đảm bảo theo quy định tại tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập: 01 kế toán, 01 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ, 01 nhân viên phụ trách thư viện, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên phụ trách thiết bị và 01 nhân viên bảo vệ. [H1-1.6-05]

 b. Hàng năm, nhà trường đánh giá xếp loại nhân viên theo quy định. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H1-1.6-06].

 Mức 3:

 a. Nhân viên kế toán, văn thư- thủ quỹ, y tế, thư viện và thiết bị có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên môn được giao.Nhân viên bảo vệ có chứng chỉ bồi dưỡng do cơ quan có thẩm quyền cấp [H2-2.3-01].

 b. Hằng năm, nhân viên kế toán, nhân viên y tế, văn thư-thủ quỹ và thư viện được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H2-2.3-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đầy đủ số lượng nhân viên theo quy định theo quy định, được phân công công việc đúng theo năng lực, trình độ. Tất cả các nhân viên của nhà trường đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công.

**3. Điểm yếu**

 Các nhân viên thiết bị, bảo vệ không được tham gia tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong những năm học tiếp theo nhà trường phát huy những điểm mạnh hiện có. Hiệu trưởng tham mưu với phòng Giáo dục và Đào tạo và cấp trên mở các lớp để các nhân viên tham gia tập huấn nghiệp vụ đúng theo chuyên môn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

 a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định.

 b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

 c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

 Mức 2:

 Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

 Mức 3:

 Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Hằng năm*,* công tác tiếp nhận trẻ vào học lớp một đúng độ tuổi đạt tỉ lệ 100%. Danh sách học sinh được cập nhật đầy đủ và chính xác vào sổ đăng bộ của nhà trường. Nhà trường đảm bảo quy định về tuổi học sinh, không có học sinh học sớm tuổi theo quy định. [H1-1.6-02]; [H2-2.4-01].

 b. Học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ và quy định về các hành vi học sinh không được làm đúng theo Điều 41, Điều 43 của Điều lệ trường tiểu học. Hầu hết các em học sinh ngoan, có ý thức và tự giác thực hiện các nhiệm vụ của học sinh. Tuy nhiên vẫn còn một số em ham chơi chưa tự giác trong học tập, một số ít phụ huynh chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập của con em. [H1-1.6-03]

 c. Học sinh đến tuổi đi học được học đúng tuyến, được học tập chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục qui định và các chương trình bổ trợ, ngoại khóa, câu lạc bộ do nhà trường tổ chức nhằm phát triển toàn diện về năng khiếu; được chăm sóc và giáo dục hoà nhập đối với học sinh khuyết tật; được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. Nhà trường chăm lo tốt cho học sinh thuộc diện chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, các em được hỗ trợ nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định [H2-2.4-02].

 Mức 2:

 Trong nhiều năm qua, nhà trường luôn quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức, phẩm chất cho học sinh. Vì vậy học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực). 5 năm qua nhà trường không có HS bị kỷ luật. [H1-1.6-06]

 Mức 3:

 Trong 5 năm qua, nhà trường cũng chú trọng việc phát hiện và nhân rộng điển hình tiên tiến. Vì vậy những học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện đều được tuyên dương, khen thưởng kịp thời và có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. [H1-1.6-06]

 **2. Điểm mạnh**

 NHọc sinh của nhà trường đều học đúng độ tuổi; các em thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền của học sinh tiểu học; đ­ược chăm sóc, bảo vệ và đối xử bình đẳng, đ­ược đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất an toàn để học tập và rèn luyện, các quyền lợi hợp pháp.

**3. Điểm yếu**

 Một số em còn ham chơi chưa tự giác trong học tập, một số ít phụ huynh chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập của con em. Tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành lớp học hàng năm còn chiếm từ 2% đến 3%. Thành tích học tập và phong trào chưa cao (so với mặt bằng thị xã)

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục phát huy công tác tuyên truyền, giáo dục nội quy, Điều lệ trường tiểu học tới phụ huynh và học sinh, để các em thực hiện tốt nội quy của nhà trường; Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ GVCN lớp, chọn những giáo viên có năng lực và tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm quan tâm đến lớp và có những giải pháp hữu hiệu để giáo dục học sinh cá biệt trong công tác chủ nhiệm; Tổ chức có hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp nhằm phát triển giáo dục toàn diện học  sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 2:**

 Lãnh đạo nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ đào tạo trên chuẩn, năng động, sáng tạo, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, được đội ngũ tín nhiệm cao.

 Đội ngũ giáo viên nhà trường đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, tỷ lệ giáo viên đứng lớp đảm bảo theo quy định. Trình độ đào tạo của giáo viên đạt trên chuẩn. Năng lực chuyên môn của đội ngũ vững vàng và tương đối đồng đều. Các quyền của giáo viên luôn được tôn trọng và đảm bảo.

 Nhân viên đủ về số lượng, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật cao, đoàn kết, nhất trí trong công tác.

 Học sinh đi học đúng độ tuổi quy định. Nhà trường luôn đổi mới các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp nhằm thu hút và động viên học sinh tham gia hoạt động tích cực, có hiệu quả giáo dục cao. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của người học sinh và nội quy, quy định của nhà trường, được đảm bảo các quyền theo Điều lệ.

 Một số ít giáo viên chưa tích cực tham gia bồi dưỡng để nâng cao trình độ tin học, ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới phương pháp dạy học. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng trình độ giao tiếp ngoại ngũ còn hạn chế. Một số em còn ham chơi chưa tự giác trong học tập, một số ít phụ huynh chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập của con em.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0%

+ Đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí chiếm 100%

+ Đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí chiếm 100%

+ Đạt Mức 3: 4/4 tiêu chí chiếm 100%

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

 Trường Tiểu học Tô Hiệu trong nhiều năm qua, được sự quan tâm đầu tư của lãnh đạo các cấp và sự ủng hộ của nhân dân địa phương, hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học ngày càng được xây dựng khang trang, đảm bảo các yêu cầu dạy và học. Có phòng học đầy đủ, bàn ghế đúng quy cách, có bảng chống lóa và hệ thống điện chiếu sáng cho học sinh học tập. Hệ thống khối phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ tốt công tác quản lý, dạy và học theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học. Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả việc huy động các nguồn lực nhằm tăng cường CSVC, phương tiện thiết bị giáo dục phục vụ cho hoạt động giáo dục.

 Nhà trường thường xuyên thực hiện các biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục hiện có nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học.

 Tuy nhiên, hệ thống máy tính ở phòng thư viện còn thiêu, nhà vệ sinh học sinh chưa đạt theo yêu cầu.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

 a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

 b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

 c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

 Mức 2:

 a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định.

 b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

 Mức 3:

 Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Khuôn viên Nhà được được đặt ở vị trí yên tĩnh, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. [H3-3.1-01]

 b. Trường có cổng trường, biển tên trường,địa chỉ đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ, có hàng rào bảo vệ bao quanh đảm bảo an toàn với chiều cao đúng quy định [H3-3.1-02]

 c. Trường có sân chơi, bãi tập rộng rãi, sạch sẽ, thoáng mát và đảm bảo an toàn cho học sinh vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao. [H3-3.1-03]

 Mức 2:

 a. Nhà trường có diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học [H3-3.1-03]

 b. Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả. [H3-3.1-03]

 Mức 3:

 Trường có sân chơi, sân tập bằng phẳng, khuôn viên trường được trồng nhiều cây xanh, cây bóng mát hài hòa với kiến trúc của nhà trường; Đang dùng chung với sân chơi chưa có đồ chơi, thiết bị vận động.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển trường và tường rào bao quanh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Khuôn viên nhà trường luôn được giữ gìn vệ sinh đảm bảo môi trường “xanh – sạch – đẹp”. Diện  tích  rộng, mặt  bằng  của  nhà  trường  tính  theo  đầu  học  sinh  bình quân các năm đạt trên 30 m2/học sinh

**3. Điểm yếu**

 Diện tích còn dùng chung với sân chơi chưa được quy hoạch ổn định riêng, chưa có đồ chơi, thiết bị vận động trên bãi tập.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong các năm tiếp theo, nhà trường sẽ huy động các nguồn vốn để xây dựng bãi tập riêng biệt, trang bị đồ chơi, thiết bị vận động . Tích cực trồng cây xanh và cây cảnh, tạo dựng môi trường “xanh – sạch – đẹp” phục vụ tốt hơn các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

 a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định.

 b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định.

 c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

 Mức 2:

 a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định.

 b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học.

 c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

 Mức 3:

 Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Trường có 19 phòng học, đảm bảo cho 19 lớp  riêng biệt và học 2 buổi/ngày. Mỗi phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định vệ sinh trường học, mỗi phòng học được trang bị đầy đủ hệ thống đèn, quạt và tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học theo đúng quy định [H1-1.6-07].

 b. Phòng học được trang bị bàn, ghế học sinh loại 2 chỗ ngồi, ghế liền đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh. Mỗi lớp học đều trang bị 01 bộ bàn ghế cho giáo viên và 01 bảng lớp theo quy định. Các lớp sử dụng bảng từ chống lóa nền xanh, kích thước 3.2m x 1.2m theo đúng quy định của ngành, đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế [H3-3.3-01].

 c. Mỗi lớp học đều được trang bị hệ thống đèn, quạt, tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ, đảm bảo phòng học thoáng, đủ ánh sáng và thuận lợi cho việc dạy và học [H3-3.2-02]

 Mức 2:

 a. Mỗi phòng học đều có diện tích 48m2 đạt theo tiêu chuẩn quy định và được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định tại Khoản 2, Điều 46 của Điều lệ trường tiểu học [H3-3.2-03].

 Mỗi phòng học đều có tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học phục vụ cho viêc dạy học trên lớp, được sắp xếp khoa học. [H3-3.2-02]

 c. Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh đảm bảo theo quy định đủ về số lượng và đảm bảo yêu cầu chất lượng.[H3-3.2-01].

 Mức 3:

 Trường có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, ngoại ngữ, tin học đảm bảo cho yêu cầu dạy học bộ môn.[H3-3.2-04]

 **2. Điểm mạnh**

 Số lượng, chất lượng và thiết bị của phòng học đảm bảo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc của bàn ghế học sinh đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo. Cách treo bảng và cách bố trí dãy bàn học trong lớp đảm bảo quy định về vệ sinh trường học của Bộ y tế

**3. Điểm yếu**

 Một số bàn ghế học sinh trang bị lâu năm, hiện nay mặt bàn, mặt ghế đã xuống cấp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung bàn ghế học sinh, trang thiết bị trong phòng học đảm bảo chất lượng và đúng theo quy định; tham mưu, huy động nguồn lực để trang bị CSVC cho phòng học tin học

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

 a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục.

 b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường.

 c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

 Mức 2:

 a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

 b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

 Mức 3:

 Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Trường có 01 phòng âm nhạc, 01 phòng dạy mỹ thuật, 01 phòng tin học, 01 phòng thiết bị giáo dục, 01, phòng ngoại ngữ, 01 phòng truyền thống và  phòng hoạt động Đội đáp ứng đủ các yêu cầu trong hoạt động giáo dục [H1-1.6-07].

 a. Khối hành chính gồm 01 phòng hiệu trưởng và 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng họp hội đồng, 01 phòng kế toán, Mỗi phòng có chức năng riêng biệt nên được trang bị phù hợp các thiết bị phục vụ cho công tác quản lý. Trường có, 01 phòng bảo vệ đảm bảo yêu cầu cho nhân viên trực, bảo vệ tại cổng trường. Trường có 01 phòng y tế thoáng mát, vị trí thuận lợi, có trang bị tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh theo danh mục thuốc y tế [H1-1.6-07].

 c. Nhà trường có nhà xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và khu vực để xe đạp cho học sinh riêng biệt được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự trường học [H3-3.3-01]

 Mức 2:

 a. Nhà trường có phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định. Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ,… đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học [H1-1.6-07].

 b. Nhà trường có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung [H3-3.3-02]

 Mức 3:

 Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có khá đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. [H3-3.3-01], [H3-3-3-02, [H3-3.3-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị được xây dựng đầy đủ, có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 phòng dạy Ngoại ngữ chưa được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục phụ tốt công tác dạy và học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục sắp xếp hợp lý, khoa học các thiết bị trong các khối phòng nhằm hỗ trợ có hiệu quả các hoạt động nhà trường. Mua sắm các thiết bị tối thiểu cho phòng ngoại ngữ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

 a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

 b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

 c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

 Mức 2:

 a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

 b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Nhà trường có 04 khu vệ sinh: 02 khu vệ sinh của giáo viên, 02 khu vệ sinh của học sinh được bố trí thuận tiện, đảm bảo điều kiện làm việc học tập cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Các khu vệ sinh luôn được cung cấp đầy đủ nước sạch, đủ ánh sáng và không ô nhiễm môi trường.[H3-3.4-01].

 b. Nhà trường có hệ thống cấp, thoát nước sạch đảm bảo vệ sinh đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Tuy nhiên hiện tại chưa được trang bị hệ thống nước sạch để đảm bảo nước uống cho học sinh. Học sinh đến trường phải tự túc nước sạch để uống bằng các hình thức như: đem theo nước lọc từ nhà, tự mua nước đóng chai... [H3-3.4-02].

 c. Trường có nơi thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-03].

 Mức 2:

 a. Tất cả các khu vệ sinh trong trường đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định. Khu nhà vệ sinh luôn sạch sẽ [H3-3.4-01].

 b. Hệ thống cấp thoát nước sạch đảm bảo theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Hệ thống thoát nước được thiết kế xung quanh trường theo đúng bản thiết kế. Trường có ký hợp đồng với công ty môi trường thu gom rác theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. [H3-3.4-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Hệ thống nhà vệ sinh của giáo viên, học sinh được xây dựng đầy đủ, thoáng, đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Hệ thống nước đầy đủ đảm bảo yêu cầu sử dụng hằng ngày cho mọi thành viên trong nhà trường. Việc thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

**3. Điểm yếu**

 Khu vệ sinh của học sinh số lượng thiết bị chưa đủ so với quy định, còn thiếu như chậu rửa, chậu xí

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Thường xuyên phân bổ kinh phí thích hợp để mua sắm, sửa chữa các công trình đã xuống cấp nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng hằng ngày của thầy và trò. Huy động các nguồn để xây dựng mới nhà vệ sinh dành riêng cho học sinh để đạt theo TCVN 8793:2011. Xây dựng các hố đốt rác bảo đảm chắc chắn, thuận lợi trong việc đốt rác và bảo đảm vệ sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

 a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường.

 b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

 c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

 Mức 2:

 a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

 b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.

 c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

 Mức 3:

 Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Trường có các loại máy văn phòng gồm: 02 máy photocoppy; 03 máy vi tính để bàn, 04 lap top, 05 máy in, 04 máy chiếu,  2 tivi để phục vụ công tác quản lý và giảng dạy; Có phòng học Tin học riêng với 15 máy tính nối mạng internet. Các máy tính đều được nối mạng internet phục vụ các hoạt động quản lý, dạy và học [H3-3.5-01].

 b. Trường được trang bị đủ thiết bị tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Các thiết bị được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng tiện lợi cho việc sử dụng [H3-3.5-02].

 c. Hàng năm nhà trường tiến hành kiểm tra, thống kê thanh lý lại các thiết bị hư hỏng để kịp thời sửa chữa bổ sung các đồ dùng và thiết bị phục vụ cho các năm học tiếp theo [H3-3.5-03].

 Mức 2:

 a. Có 4 máy laptop và 2 máy bàn kết nối internet phục vụ quản lý; Có phòng học Tin học riêng với 15 máy tính nối mạng internet. Các máy tính đều được nối mạng internet phục vụ dạy và học [H3-3.5-04].

 b. Hằng năm nhà trường lập kế hoạch mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học  đầy đủ, đầu năm học nhân viên thiết bị tiến hành kiểm kê và bàn giao đồ dùng dạy học, mua bổ sung các đồ dùng dạy học còn thiếu theo quy định [H3-3.5-02]

 c. Hàng năm, nhà trường có mua bổ sung các thiết bị [H3-3.5-05]; tổ chức các Hội thi tự làm đồ dùng dạy học [H3-3.5-06].

 Mức 3:

 Các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được sử dụng triệt để, có hiệu quả, phục vụ tốt cho công tác dạy và học. Những thiết bị dạy học tự làm khá đẹp, có tính thẩm mỹ, phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học, tuy nhiên có một vài giáo viên sử dụng thiết bị dạy học chưa đúng lúc. [H3-3.5-07]

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường trang bị các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy. Mỗi lớp học được trang bị bộ đồ dùng dạy học cần thiết, phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên. Đồ dùng được giáo viên các khối lớp thường xuyên sử dụng trên lớp hàng ngày. Mỗi năm học, nhà trường phát động và tổ chức tốt hội thi tự làm đồ dùng dạy học có 100% giáo viên tham gia, nhiều đồ dùng có chất lượng cao được bổ sung cho thư viện của nhà trường. Hằng năm, nhà trường tổ chức kiểm kê, sửa chữa, bổ sung, nâng cấp, đồ dùng và thiết bị dạy học kịp thời. Lãnh đạo nhà trường thường xuyên quan tâm tới công tác sử dụng đồ dùng dạy học trong giảng dạy. Giáo viên nhiệt tình và thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy học trong giảng dạy.

**3. Điểm yếu**

 Một số giáo viên lớn tuổi nên việc sử dụng các thiết bị hiện đại chưa tốt. Một số thiết bị chưa đảm bảo chất lượng nên dễ hỏng sau khi sử dụng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được. Trong những năm học tiếp theo, nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc thi tự làm đồ dùng dạy học cho giáo viên nhằm bổ sung thêm các đồ dùng còn thiếu cho thư viện nhà trường và tham gia các hội thi cấp trên đạt hiệu quả hơn. Tiếp tục phát huy hiệu quả “thư viện lớp em” và kịp thời mua sắm bổ sung, thay thế những đồ dùng thiết bị đã hư hỏng. Sửa chữa và mua mới một số tủ đựng đồ dùng ở các lớp đảm bảo phục vụ cho công tác dạy và học. Tiếp tục tham mưu cấp có thẩm quyền đầu tư thiết bị dạy học  theo quy định Thông tư 15/2009/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ GDĐT Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

 a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học.

 b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

 c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

 Mức 2:

 Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

 Mức 3:

 Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Thư viện nhà trường được trang bị, sách báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học . Có đủ hệ thống tủ đựng sách báo, bàn đọc, bàn làm việc. [H3-3.6-01]

 b. Nhân viên thư viện nhiệt tình, thường xuyên theo dõi, cập nhật số lượt độc giả đến đọc, mượn và trả sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo của giáo viên, học sinh. [H3-3.6-02]. Lịch phục vụ bạn đọc được niêm yết công khai [H3-3.6-03].

 c. Thư viện kiểm kê sách hằng năm theo qui định, thường xuyên bổ sung kịp thời các loại đầu sách, báo, tạp chí phục vụ nhu cầu nghiên cứu của giáo viên và học sinh [H3-3.6-04].

 Mức 2:

 Thư viện trường đạt chuẩn và được đánh giá dựa trên 05 tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quyết định số 01/2003/QĐ/BGD&ĐT ngày 02/01/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.6-05].

 Mức 3:

 Thư viện nhà trường đạt chuẩn theo QĐ 01/2003/QĐ-BGD ĐT ngày 02/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thư viện nhà trường chưa được trạng bị hệ thống máy tính nên chưa đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. [H3-3.6-06]

 **2. Điểm mạnh**

 Hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Phòng đọc được trưng bày đẹp, gây hứng thú cho độc giả. Thư viện nhà trường hoạt động nghiêm túc. Sách, báo trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của án bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Ban Giám hiệu nhà trường rất quan tâm tới các hoạt động của bạn đọc.

**3. Điểm yếu**

 Việc mua sắm bổ sung sách, thiết bị dạy học hằng năm còn ít, kĩ năng ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện của cán bộ thư viên chưa cao. Chưa có máy tính nối mạng đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tại phòng thư viện. Thư viện chưa đạt Tiên tiến dù được công nhận đạt chuẩn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được. Từ năm học 2018-2019, hàng năm có kế hoạch bổ sung thêm các đầu sách. Tiếp tục phát động học sinh, phụ huynh tặng sách cho thư viện nhà trường. Tổ chức phong trào xây dựng “thư viện lớp em” để bổ sung sách cho thư viện nhà trường và cũng tạo điều kiện cho giáo viên và học đọc sách ngay tại lớp. Trang bị máy tính nối mạng đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong năm 2020. Hoàn thiện các tiêu chí để sớm để nghị Thư viện Tiên tiến trong năm học 2019-2020.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 3:**

 Trường có diện tích, khuôn viên, cổng trường, hàng rào bảo vệ, sân chơi, bãi tập của trường đảm bảo các quy định của Điều lệ trường tiểu học.

 Trường có đủ phòng học cho học 2 buổi/ngày. Diện tích phòng học đúng quy định, bàn ghế học sinh đủ về số lượng, có chất lượng tốt. Khối phòng phục vụ học tập và hành chính quản trị đảm bảo hoạt động có hiệu quả. Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác quản lí, văn phòng, dạy và học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

 hệ thống nước sạch, khu vệ sinh, nhà để xe, thu gom rác đáp ứng yêu cầu của hoạt động giáo dục.

 Thư viện nhà trường đạt chuẩn theo QĐ 01/2003/QĐ-BGD ĐT ngày 02/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

 Thiết bị và đồ dùng phục vụ cho việc dạy học của giáo viên và học sinh đầy đủ, có chất lượng. Phong trào tự làm đồ dùng dạy học đã trở thành nền nếp.

 Tuy nhiên, trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy học và làm việc ở các phòng Tin học, Ngoại ngữ và phòng thư viện còn thiếu. Nhà vệ sinh học sinh chưa đủ theo yêu cầu. Bãi tập chưa được xây dựng riêng bệt.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0%

+ Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100%

+ Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100%

+ Đạt Mức 3: 4/6 tiêu chí chiếm 66.7%

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

 Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường hoạt động theo đúng Điều lệ BĐD CMHS. Nhà trường luôn tham mưu tốt với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để duy trì số lượng học sinh đồng thời huy động nguồn lực xây dựng cảnh quang môi trường và tặng thưởng cho học sinh vượt khó vươn lên trong học tập, rèn luyện; giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

 Công tác xã hội hóa giáo dục luôn được lãnh đạo, các ban ngành đoàn thể địa phương quan tâm nhằm góp phần thúc đẩy phong trào thi đua dạy tốt - học tốt trên địa bàn xã nói chung và Trường Tiểu học Tô Hiệu nói riêng. Việc phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã đem lại những thành công đáng kể trong hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

 a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

 b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học.

 c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

 Mức 2:

 Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

 Mức 3:

 Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của từng lớp và của trường, được thành lập vào đầu năm học do Hội nghị cha mẹ học sinh của lớp và của trường bầu ra. Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp và trường hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ BĐD cha mẹ học sinh theo Thông tư 55/TT-BGDĐT [H1-1.6-01]; [H4-4.1-01]

 b. Nhà trường luôn tạo điều kiện để Ban Đại diện CMHS hoạt động theo kế hoạch như thường xuyên hội họp, cung cấp thông tin, kế hoạch phát triển của nhà trường. Giáo viên chủ nhiệm lớp thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với CMHS để cùng tham gia chăm lo giáo dục học sinh nhất là những em có hoàn cảnh khó khăn hoặc chậm tiến bộ trong học tập. Ban đại diện CMHS trường đã phối hợp với nhà trường chăm lo công tác giáo dục học sinh, động viên, khen thưởng học sinh đạt thành tích cao trong học tập, trong các phong trào hội thi và tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp [H4-4.1-02].

 c. Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất giữa nhà trường với cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh; giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh; góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh được tuyên truyền cho toàn thể PHHS được biết, biên bản các cuộc họp định kỳ, đột xuất giữa Hội và nhà trường [H4-4.1-03].

 Mức 2:

 Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; đảm bảo huy học sinh đến trường nên không có tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng. Ban đại diện cha mẹ học sinh có quyền đề xuất ý kiến, tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, bàn các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh đồng thời nhà trường góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Hằng năm các hoạt động phối kết hợp của nhà trường với phụ huynh được đánh giá cụ thể những việc đã hoàn thành tốt và những việc còn tồn tại, để ra phương hương cho năm học mới đạt kết quả tốt qua báo cáo tổng kết năm học của nhà trường [H4-4.1-04]

 Mức 3:

 Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Giáo dục đạo đức cho học sinh; khuyến khích học sinh có thành tích xuất sắc, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập; giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác; vận động học sinh đã bỏ học trở lại tiếp tục đi học. Hội cha mẹ học sinh đã phối hợp, hỗ trợ cho nhà trường trong công tác xây dựng cảnh quan, cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động NGLL [H4-4.1-04].

 **2. Điểm mạnh**

 Ban ĐDCMHS trường, lớp luôn nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, quan tâm đến công tác hỗ trợ học sinh khó khăn và giáo dục học sinh chậm tiến bộ, vận động xã hội hoá giáo dục. Ban ĐDCMHS trường có kế hoạch phối hợp với Ban giám hiệu nhà trường trong việc tuyên truyền đến các phụ huynh học sinh có trách nhiệm quản lý, giáo dục đạo đức học sinh. Ban ĐDCMHS trường, lớp thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm trong hoạt động theo quy định của Điều lệ Ban ĐDCMHS ban hành. Phối hợp chặt chẽ với nhà trường giúp nhà trường hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu nhiệm vụ năm học.

**3. Điểm yếu**

 Các thành viên Ban đại diện CMHS trường hoạt động đôi khi chưa đều tay, khả năng vận động, tập hợp CMHS để cùng xây dựng phong trào, động viên HS, giải quyết những vấn đề của HS trong lớp, trong trường có mặt chưa đạt hiệu quả cao. Một bộ phận CMHS chưa quản lý, giáo dục tốt con em mình trong việc học tập, còn giao phó việc dạy dỗ con em cho nhà trường, hay vắng trong các kỳ họp nên đôi khi không nắm được hết tình hình học tập của con em và các kế hoạch của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh đạt được. Từ năm học 2018-2019 nhà trường tiếp tục tạo mọi điều kiện cho Ban đại diện CMHS trường, lớp thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo Điều lệ Ban đại diện CMHS. Kịp thời tham mưu và tăng cường sự phối hợp hoạt động giữa Ban đại diện CMHS với nhà trường. Tiến hành rà soát để kiện toàn nhân sự Ban đại diện CMHS hàng năm. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền đến CMHS. Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm bằng mọi hình thức để liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh để cùng giáo dục học sinh tiến bộ.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

 a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

 b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

 c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

 Mức 2:

 a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

 b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

 Mức 3:

 Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Nhà trường luôn chủ động tham mưu cho Đảng Uỷ, UBND xã Ea Siên về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường như: Kế hoạch huy động trẻ ra lớp; kế hoạch phát triển trường lớp; kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia; kế hoạch phát triển đảng viên, kế hoạch học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; quy chế phối hợp.... Các kế hoạch được chuẩn bị từ đầu năm học, sau khi thông qua Ban lãnh đạo trường thống nhất thì báo cáo với đại diện cấp ủy, chính quyền địa phương, ... [H4-4.2-01].

 b. Nhà trường đã tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng những hình thức: các biện pháp được xây dựng lồng ghép trong Kế hoạch huy động trẻ ra lớp; kế hoạch phát triển trường lớp; kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia; kế hoạch phát triển đảng viên, kế hoạch học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.... Các kế hoạch được chuẩn bị từ đầu năm học, sau khi thông qua Ban lãnh đạo trường thống nhất thì báo cáo với đại diện cấp ủy, chính quyền địa phương bằng văn bản vào các kỳ họp báo... Từ đó góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-4.2-02].

 c. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS làm tốt công tác vận động sự hỗ trợ tự nguyện bằng tiền và hiện vật từ các tổ chức, các mạnh thường quân ở địa phương và phụ huynh để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật. Khen thưởng học sinh có thành tích tốt...Từ năm học 2013-2014 đến nay nhà trường đều làm tốt công tác này và số tiền và hiện vật quy ra thành tiền mỗi năm lên đến hàng chục triệu đồng. [H4-4.1-04].

 Mức 2:

 a. Nhà trường thực hiện tốt việc tham mưu với các cấp uỷ Đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể, các lực lượng giáo dục khác ngoài xã hội về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục thông qua Quy chế phối hợp [H4-4.2-05].

 b. Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh: sinh hoạt chủ điểm các ngày lễ lớn trong năm, tổ chức cho học sinh chơi trò chơi dân gian, văn nghệ, thi đấu thể thao [H4-4.2-06].

 Mức 3:

 Nhà trường tham mưu chưa tốt với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường luôn chủ động tham mưu cấp uỷ Đảng, Chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở địa phương về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường; tích cực tham mưu và phối hợp với UBND, công an xã EaSiên để xây dựng môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh. Thực hiện tốt công tác vận động, huy động các nguồn lực để bổ sung trang bị thêm các thiết bị dạy học của nhà trường, kịp thời sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và kịp thời giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, khen thưởng học sinh có thành tích tốt.

**3. Điểm yếu**

 Nhà trường chưa đủ đều kiện trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nguồn lực huy động trong phụ huynh còn rất thấp do kinh tế của đại đa số phụ huynh còn nghèo. Sự phối hợp giữa trường với các tổ chức xã hội ngoài trường đôi khi chưa đạt được hiệu quả cao. Công tác vận động, huy động có lúc chưa thật kịp thời, chưa thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ cho nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh đạt được, tăng cường tổ chức các buổi giao lưu với các tổ chức xã hội trong địa bàn vào các ngày lễ lớn. Tiếp tục khuyến khích động viên kịp thời cả về tinh thần lẫn vật chất đối với những học sinh có tiến bộ, vượt khó trong học tập. Trong những những năm tiếp theo, nhà trường thường xuyên tham mưu với Đảng uỷ, Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận, các tổ chức, đoàn thể của địa phương, các Mạnh thường quân để tăng cường nguồn lực, tài lực giúp nhà trường xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành  mạnh, kịp thời hỗ trợ động viên, khen thưởng học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 4:**

 Hằng năm, BĐD CMHS được kiện toàn vào đầu năm học, nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho BĐD CMHS thực hiện tốt các hoạt động. Ban đại diện CMHS của trường là những người nhiệt tình, có trách nhiệm. Ban đã làm việc theo đúng vai trò, chức trách, nhiệm vụ của mình; phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh cũng như các hoạt động khác của nhà trường.

 Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất, tăng thêm phương tiện đồ dùng, thiết bị dạy học; khen thưởng kịp thời học sinh có thành tích trong hoạt động học tập và rèn luyện.

 Thường xuyên tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp và cách đánh giá học sinh theo thông tư mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục để thực hiện công tác dạy học. Vận động phụ huynh và những người có uy tín trong buôn làng để nhắc nhở giúp đỡ hỗ trợ học sinh đi học chuyên cần và phát huy bản sắc tốt đẹp truyền thống của địa phương.

 Tuy nhiên, nhà trường chưa huy động được nhiều nguồn lực, chưa vận động sự ủng hộ của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn để hỗ trợ cơ sở vật chất cho nhà trường. Đời sống của người dân còn nghèo nên công tác xã hội hóa giáo dục ở trường sở tại còn gặp nhiều khó khăn. Một bộ phận CMHS chưa quản lý, giáo dục tốt con em mình trong việc học tập, còn giao phó việc dạy dỗ con em cho nhà trường, hay vắng trong các kỳ họp nên đôi khi không nắm được hết tình hình học tập của con em và các kế hoạch của nhà trường.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0%

+ Đạt Mức 1: 2/2 tiêu chí chiếm 100%

+ Đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí chiếm 100%

+ Đạt Mức 3: 1/2 tiêu chí chiếm 50%

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

 Nhà trường luôn giữ vững kỷ cương, nền nếp trong hoạt động dạy và học. Việc thực hiện chương trình và kế hoạch dạy học nghiêm túc. Chất lượng giáo dục toàn diện luôn luôn ổn định. Hồ sơ, sổ sách quản lý chất lượng được lưu trữ đầy đủ, đảm bảo an toàn. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được nhà trường quan tâm, có kế hoạch, theo dõi, chỉ đạo đạt hiệu quả.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

 a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục.

 b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

 c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

 Mức 2:

 a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục.

 b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Vào đầu mỗi năm học, nhà trường căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ năm học của Phòng Giáo dục và Đào tạo THị xã Buôn Hồ để xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, kế hoạch được căn cứ trên tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành trung ương khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo. Kế hoạch được tập thể nhà trường đóng góp, bổ sung và thống nhất. Các tổ chuyên môn đều xây dựng kế hoạch được thực hiện theo quy định hiện hành tại Điều lệ trường tiểu học [H1-1.6-04].

 b. Kế hoạch giáo dục của nhà trường xác định rõ mục tiêu định hướng, nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ cụ thể cần thực hiện trong năm học, được triển khai trong các buổi họp Hội đồng sư phạm, Hội nghị cán bộ công chức. Nhà trường dạy đủ các môn học theo quy định, đúng chương trình, kế hoạch đề ra, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kĩ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng học sinh, một số giáo viên áp dụng công nghệ thông tin vào bài giảng đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của địa phương. [H1-1.7-04].

 c. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được thông qua chi bộ, giải trình thông qua Hội nghị CBGVNV đầu năm học có sự tham gia của lãnh đạo địa phương. [H1-1.7-04].

 Mức 2:

 a. Kế hoạch giáo dục của nhà trường luôn đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục như khung thời gian năm học; các môn học bắt buộc, tự chọn, việc lồng ghép các nội dung giáo dục, đánh giá, xếp loại học sinh,... dựa trên kế hoạch của ngành.[H1-1.6-04].

 b. Sau khi dự thảo kế hoạch giáo dục, nhà trường tổ chức cho giáo viên thảo luận, góp ý để hoàn chỉnh kế hoạch, sau  đó phổ biến, công khai trong học sinh và cha mẹ học sinh, cộng đồng thông qua các buổi sinh hoạt, các cuộc họp phụ huynh và niêm yết công khai [H5-5.1-01]

 **2. Điểm mạnh**

 Kế hoạch năm học, tháng, tuần của nhà trường xây dựng đầy đủ và sát với thực tế đơn vị, có tính khả thi, được giáo viên đồng thuận nhất trí cao. Thông qua kế hoạch nhà trường tất cả giáo viên bám sát và cụ thể hoá vào kế hoạch của cá nhân, của tổ khối, thực hiện đạt được hiệu quả. Chương trình giáo dục, quy định về chuyên môn, các hoạt động giáo dục đều được giáo viên thực hiện nghiêm túc và đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học. Các giáo viên tích cực học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới nên đã biết lựa chọn các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh. Trong các hoạt động giáo dục, nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và đưa ra nhiều phương pháp để giúp đỡ học sinh và bồi dưỡng cho học

**3. Điểm yếu**

 Một số ít giáo viên còn chậm trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu đã đem lại kết quả nhưng còn hạn chế chưa có nhiều giải cao. Do giáo viên tập trung dạy cho học sinh đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng và dành nhiều thời gian phụ đạo cho học sinh học chậm. Vẫn còn một bộ phận HS chưa hoàn thành chương trình lớp học, cha mẹ thiếu quan tâm đến việc học của con.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Từ năm học 2018-2019, nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh: xây dựng kế hoạch năm học, học kỳ, tháng, tuần của trường cũng như các bộ phận, tổ chuyên môn khoa học và sát với tình hình nhà trường hơn. Ban Giám hiệu sẽ thường xuyên dự họp cùng tổ chuyên môn để có những chỉ đạo sát hợp; tạo điều kiện để giáo viên học tập, nghiên cứu, đổi mới sinh hoạt chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Tăng cường kiểm tra công tác bồi dưỡng học sinh có năng lực học tập tốt và giúp đỡ các học sinh chưa đạt chuẩn kiến thưc kỹ năng giảm tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương rình lớp học.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

 a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.

 b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường.

 c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

 Mức 2:

 a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

 b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

 Mức 3:

 Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Nhà trường thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục, dạy đúng đủ các môn học, đúng chương trình, đúng kế hoạch, đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức kĩ năng theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT về đổi mới giảng dạy giáo dục phổ thông và các nội dung lồng ghép [H1-1.6-04].

 b. Trong quá trình dạy học, giáo viên luôn tích cực đổi mới phương pháp dạy học, áp dụng các phương pháp như khăn trải bàn, các mảnh ghép,bàn tay nặn bột, phương pháp dạy Mỹ thuật theo Đan Mạch, phương pháp dạy thurcoong mới..., nhiều hình thức dạy học được vận dụng như dạy theo nhóm, dạy cá thể hóa,...đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh, điều kiện nhà trường [H5-5.2-02].

 c. Vào đầu mỗi năm học, Ban giám hiệu nhà trường, trong tổ chuyên môn đã triển khai thông tư 30/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014,Thông tư 22/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 về đánh giá học sinh đến toàn thể giáo viên trong nhà trường. Giáo viên thực hiện tốt việc đánh giá học sinh đúng theo Thông tư [H5-5.2-03].

 Mức 2:

 a. Nhà trường luôn thực hiện đúng chương trình giáo dục, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Nhà trường thực hiện nghiêm túc những quy định về việc sử dụng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo theo Công văn số 2372/BGDĐT-GDTrH ngày 11/4/2013 và Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GDĐT; văn bản 5842/BGDĐT-VP về hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông; xếp thời khóa biểu các lớp phù hợp với tâm sinh lý của học sinh và tình hình tổ chức giảng dạy của trường. Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực [H1-1.6-04]; [H5-5.2-04].

 b. Nhà trường luôn chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh khó khăn trong học tập, rèn luyện. Đối với học sinh năng khiếu, các em được tham gia thể dục thể thao, được bồi dưỡng các môn Âm nhạc, Mĩ thuật. Đối với học sinh chậm, giáo viên phụ đạo thường  xuyên trên lớp sau giờ học buổi chiều, nhằm giúp các em nắm vững kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu của khối lớp [H5-5.2-05].

 Mức 3:

 Hằng năm, nhà trường chưa có tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H1-1.7-04];

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường  có kế hoạch cụ thể rõ ràng. Các kế hoạch chi tiết, cụ thể, được chuẩn bị chu đáo, được thực hiện hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng học sinh trong nhà trường. Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học tích cực, phù hợp từng đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Tuy đã có nhiều đầu tư, cố gắng nhưng kết quả trong các kỳ giao lưu văn hóa, thể thao, ... do thị xã tổ chức đạt chưa cao. Tuy Nhà trường có tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh nhưng kết quả mang lại chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong những năm học tới, tiếp tục dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng học sinh, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của nhà trường; tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp,tổ chức các hoạt động giáo dục để nâng cao chất lượng dạy học và đầu tư bồi dưỡng cho học sinh tham gia các kỳ giao lưu văn hóa, thể thao, ... do thị xã tổ chức đạt kết quả cao.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

 a) Đảm bảo theo kế hoạch.

 b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường.

 c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

 Mức 2:

 Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

 Mức 3:

 Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Hàng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ điểm từng tháng cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, góp phần hỗ trợ và nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục toàn diện. Vào những ngày lễ lớn trong năm, nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa như: văn nghệ, tham quan trải nghiệm, các trò chơi dân, lao động vệ sinh môi trường, ... để củng cố kiến thức đã học đồng thời giúp học sinh tham gia vào các hoạt động vui chơi, giải trí sau những giờ học căng thẳng [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]

 b. Căn cứ vào các kế hoạch đã xây dựng, nhà trường đã thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục với các hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường, lứa tuổi đặc điểm tâm sinh lí và nhận thức của học sinh như: Hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, tham quan trải nghiệm, giao lưu văn nghệ, các hoạt động bảo vệ môi trường, lao động vệ sinh trường lớp và thăm gia đình chính sách, kể chuyện về Bác Hồ, ... theo đúng kế hoạch đã đề ra [H1-1.2-05]; [H5-5.3-03]. Do điều kiện nên hoạt động tham quan học tập chỉ dành cho đối tượng học sinh khối lớp 4, 5 và hai năm mới tổ chức một lần.

 c. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho tất cả học sinh được tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp như tập thể dục đầu giờ, các buổi truyền thông, kĩ năng sống, Văn nghệ, Kể chuyện dưới cờ, .... Các hoạt động giáo dục được phân công cụ thể cho từng giáo viên phụ trách và có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường [H1-1.5-01]; [H5-5.3-04].

 Mức 2:

 Nhà trường có xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng hoạt động giáo dục, thực hiện tốt việc phân công, huy động cán bộ, giáo viên, nhân viên cùng tham gia hoạt động với tinh thần trách nhiệm cao, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo. Nhà trường đạt một số thành tích trong các hoạt động phong trào do thị xã tổ chức [H1-1.5-01]; [H1-1.2-05]

 Mức 3:

 Trường có tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhưng nội dung và hình thức tổ chức chưa phân hóa theo nhu cầu, năng lực, sở trường của học sinh.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường xây dựng các kế hoạch và thực hiện đảm bảo theo đúng kế hoạch về giáo dục các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Kế hoạch có nội dung và hình thức hoạt động phong phú, phát huy được tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh, thu hút được tất cả học sinh tham gia. Thông qua các hoạt động giáo dục đã giúp học sinh có ý thức tập thể, tinh thần đồng đội, tình yêu quê hương, đất nước.

**3. Điểm yếu**

 Trường có tổ chức các hoạt động nhưng nội dụng và hình thức tổ chức chưa phân hóa theo nhu cầu, năng lực, sở trường của học sinh. Việc tổ chức cho học sinh tham quan trải nghiệm chưa được thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường tiếp tục chỉ đạo Liên đội chủ động tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động giáo dục khác-ngoài lên lớp bằng các hình thức lôi cuốn, hấp dẫn. Thực hiện tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có nội dung và hình thức tổ chức phân hóa theo nhu cầu, năng lực, sở trường của học sinh. Tham mưu, Phối hợp với Ban đại diện Cha mẹ học sinh, các tổ chức, cá nhân hỗ trợ kinh phí để tổ chức cho học sinh được tham quan trải nghiệm nhiều hơn, mở rộng đối tượng tham gia.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

 a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công.

 b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%.

 c) - Quản lý hồ sơ. - Số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

 Mức 2:

 Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

 Mức 3:

 Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Nhà trường tích cực cùng với địa phương xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục hằng năm. Phân công một giáo viên làm công tác phổ cập, chịu trách nhiệm về việc huy động trẻ đúng độ tuổi nhập học [H5-5.4-01].

 b. Nhà trường đã tổ chức và thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường", huy động trẻ trong độ tuổi đi học  lớp 1 đạt trên 90%. Có kế hoạch tuyển sinh, có thông báo tuyển sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh, có báo cáo về việc thực hiện ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, Hồ sơ lưu trữ đầy đủ [H5-5.4-02]

 c. Việc quản lý hồ sơ theo dúng điều lệ trường Tiểu học. Thường xuyên cập nhật, nắm bắt kịp thời các thông tin của địa phương, của ngành. Hàng năm trường kết hợp với trường THCS tiến hành điều tra dân trí, trình độ học vấn ở các thôn, buôn, viết phiếu và làm biểu mẫu thống kê số liệu, vào sổ đăng bộ, sổ phổ cập [H1-1.6-02].

 Mức 2:

 Hằng năm, nhà trường tổ chức và thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường", phối hợp tốt với các ban, ngành địa phương huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt trên 95% [H5-5.4-02].

 Mức 3:

 Nhà trường đã thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường" kết hợp tốt với chính quyền địa phương  để vận động phụ huynh đưa con em từ 6 tuổi vào lớp 1. Nhờ đó, tỉ lệ học sinh học đúng độ tuổi luôn đạt trên 98% [H5-5.4-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Hằng năm nhà trường đều phối hợp với ngành, địa phương đề ra kế hoạch rà soát và thực hiện đầy đủ nội dung phổ cập giáo dục tiểu học đúng tiến độ thời gian. Thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, huy động 100% trẻ trong độ tuổi đi học.

**3. Điểm yếu**

 Do địa bàn đa số là đồng bào thiểu số, đời sống kinh tế còn khó khăn họ phải ở tại nương rẫy nên công tác điều tra phổ cập còn gặp một số khó khăn, việc duy trì sĩ số chống học sinh bỏ học giữa chừng rất khó khăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, duy trì việc tổ chức “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”. Làm tốt công tác tuyên truyền, có biện pháp vận động kịp thời những học sinh có nguy cơ bỏ học đi học lại.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

 a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%.

 b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;

 c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

 Mức 2:

 a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%.

 b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

 Mức 3:

 a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%.

 b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học hằng năm đều đạt trên 70% [H1-1.6-01]; [H5-5.5-01].

 b. Nhiều năm liền, tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt 65% trở lên [H1-1.6-01]; [H5-5.5-01].

 c. Nhiều năm liền, tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt 80% trở lên [H1-1.6-01]; [H5-5.5-01].

 Mức 2:

 a. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 97% [H1-1.5-01].

 b. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 80% [H1-1.6-01]; [H5-5.5-01].

 Mức 3:

 a. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 97% [H1-1.5-01].

 b. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học không đạt 90%

 **2. Điểm mạnh**

 Tỷ lệ họ sinh hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình Tiểu học hàng năm của học sinh trong nhà trường luôn ổn định và từng bước được nâng cao. Thường xuyên quan tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục thể chất cho học sinh.

**3. Điểm yếu**

 Do đặt thù đơn vị chiếm tỉ lệ trên 85% học sinh là con em người đồng bào dân tộc thiểu số, phụ huynh tất cả là làm nông, đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn nên chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập của con em. Phần đa các em đi học về thời gian rảnh phải phụ giúp gia đình. Vì vậy phần nào ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học, dạy học sát đối tượng, áp dụng các kĩ thuật dạy học mới. Tăng cường phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng, bồi dưỡng học sinh năng khiếu trong các tiết dạy nhằm duy trì vững chắc kết quả đã đạt được. Tiếp tục duy trì và thực hiện tốt công tác Y tế trong nhà trường, tăng cường giáo dục học sinh vệ sinh cá nhân, tự chăm sóc sức khỏe.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 5:**

 Nhà trường thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học cụ thể, khoa học, luôn coi trọng việc đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh theo từng học kỳ, từng năm. Lấy kết quả học tập của học sinh để gắn với đánh giá xếp loại giáo viên. Chính vì vậy mà chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì và từng bước đựơc nâng cao. Hàng năm tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 97%. Song song với các hoạt động giáo dục văn hóa nhà trường xây dụng kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp phù hợp điều kiện sát tình hình thực tế và tổ chức thực hiện luôn đạt kết quả cao; tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục thể chất, giáo dục đạo đức và công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường quan tâm và tạo nhiều cơ hội cho học sinh tham gia rèn luyện.

 Trường có tổ chức các hoạt động nhưng nội dụng và hình thức tổ chức chưa phân hóa theo nhu cầu, năng lực, sở trường của học sinh. Đa số học sinh là người dân tộc thiểu số, đời sống kinh tế còn khó khăn họ phải ở tại nương rẫy nên công tác điều tra phổ cập còn gặp một số khó khăn, việc duy trì sĩ số chống học sinh bỏ học giữa chừng rất khó khăn.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Không đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0%

+ Đạt Mức 1: 5/5 tiêu chí chiếm 100%

+ Đạt Mức 2: 5/5 tiêu chí chiếm 100%

+ Đạt Mức 3: 2/5 tiêu chí chiếm 40%

**II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**

**Tiêu chí 1**: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 2**: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 3**: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 4**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 5**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Kết luận:**

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
	+ Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0%

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/27 chiếm 0%
	+ Đạt Mức 1: 27/27 chiếm 100%
	+ Đạt Mức 2: 27/27 chiếm 100%
	+ Đạt Mức 3: 19/27 chiếm 70.4%
* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
	+ Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0%

 Trong những năm qua trường Tiểu học Tô Hiệu đã thực hiện nghiêm túc mục tiêu giáo dục của ngành và của địa phương đề ra. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường đã có nhiều nỗ lực, đạt thành tích cao trong giảng dạy, học tập và rèn luyện, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

 Báo cáo Tự đánh giá là tổng hợp thành quả của cả quá trình lao động không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh cùng với sự ủng hộ của các ban, ngành, đoàn thể, CMHS trong những năm qua nhà trường đã đạt được nhiều thành tích đáng tự hào. Nhà trường luôn xác định việc bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên là một nhiệm vụ hết sức quan trọng vì vậy mà chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường ngày càng được nâng cao.

 Với sự nỗ lực và quyết tâm của Hội đồng tự đánh giá, nhà trường đã huy động lực các đoàn thể, tổ chức trong và ngoài nhà trường, đồng thời phối hợp với địa phương, phòng GD&ĐT Thị xã Buôn Hồ cùng với các thành viên Hội đồng tự đánh giá đã tích cực làm việc theo kế hoạch kiểm định đã đề ra. Trong quá trình tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn theo Thông tư số 17/2018//TT - BGD&ĐT, tập thể sư phạm nhà trường luôn tự hào bởi những thành quả đạt được là cả một quá trình phấn đấu của tập thể sư phạm nhà trường. Kết quả giáo dục chính là những tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan chất lượng giáo dục của nhà trường. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, nhà trường vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định: Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên hàng năm có sự biến động, một số giáo viên tuổi đời cao, năng lực chuyên môn còn hạn chế dẫn đến việc chỉ đạo thực hiện của Ban giám hiệu gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy, việc thực hiện công tác tự đánh giá là cơ sở để nhà trường nhìn lại những kết quả đã đạt được đồng thời rút ra được những bài học kinh nghiệm cần thiết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục của đơn vị mình trong thời gian tới.

 Đối chiếu các kết quả về hoạt động giáo dục của trường với Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường tiểu học được Bộ GD&ĐT ban hành, trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. Trường TIỂU HỌC TÔ HIỆU tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

*Buôn Hồ, ngày .... tháng 8 năm 2019*

|  |  |
| --- | --- |
|   |  **HIỆU TRƯỞNG** *(Ký tên, đóng dấu)* |